TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24-6-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Đức Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lộc;

2. Bà Thanh Thị Minh Hiền;

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Bùi Tuyết Hân, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà:*** Ông Đinh Văn Lai – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Nguyễn T, sinh năm 1996; vắng mặt

Địa chỉ: Xóm D, thôn F, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Ông Tằng Nhật S, sinh năm 1988; vắng mặt

Quốc tịch: Việt Nam;

Nơi cư trú: 8241 H, S, Ca 95828 USA.

Thẻ thường trú: 063 940 980. Ngày cấp: 11/8/2014. Nơi cấp: Hoa Kỳ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

Bà Dương Nguyễn T và ông Tằng Nhật S tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 23/8/2019 tại Ủy ban nhân dân huyện H. Sau khi

kết hôn, ông Tằng Nhật S ở lại Việt Nam chung sống với bà Dương Nguyễn T khoảng thời gian ngắn. Sau đó ông S trở về Hoa Kỳ sinh sống. Kể từ đó đến nay ông S không quay trở lại Việt Nam mà chỉ thỉnh thoảng liên lạc với nhau qua mạng xã hội. Do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và khoảng cách địa lý quá xa, không chia sẻ với nhau, không quan tâm chăm sóc nhau. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay bà Dương Nguyễn T yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn với ông Tằng Nhật S.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Dương Nguyễn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trình bày:

Tòa án đã thực hiện các biện pháp cấp tống đạt theo quy định tại khoản 3 Điều 474 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Tằng Nhật S không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ kèm theo.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy bà Dương Nguyễn T yêu cầu ly hôn ông T1 Nhật Sáng là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, các quy định của pháp luật, Tòa án nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt:

Nguyên đơn bà Dương Nguyễn T có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Tằng Nhật S: Tòa án đã thực hiện các biện pháp theo quy định tại khoản 3 Điều 474 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Tằng Nhật S vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Bà Dương Nguyễn T và ông Tằng Nhật S đăng ký kết hôn vào ngày 23/8/2019 tại Ủy ban nhân dân huyện H; đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà Dương Nguyễn T và ông Tằng Nhật S kết hôn tự nguyện nhưng hai bên chỉ chung sống thời gian ngắn. Từ năm 2019 đến nay, bà Dương Nguyễn T và ông Tằng Nhật S không còn liên lạc với nhau, không giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt, người nào chỉ biết bổn phận người đó; cuộc sống chung vợ chồng giữa bà Dương Nguyễn T và ông Tằng Nhật S đã không còn tồn tại, hai bên không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau. Vì vậy, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà Dương Nguyễn T yêu cầu ly hôn là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Tòa án chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung, đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

[4] Về án phí: Bà Dương Nguyễn T phải chịu án phí sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 121, Điều 122, Điều 123, Điều 124, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của bà Dương Nguyễn Trinh . Bà Dương Nguyễn T được ly hôn với ông Tằng Nhật S.

2. Về án phí:

- Bà Dương Nguyễn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0008074 ngày 29/4/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận. Bà Dương Nguyễn T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo trong

thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bình Thuận;
-Cục T.H.A.D.S tỉnh Bình Thuận;
-UBND huyện Hàm Thuận Bắc;
-Các đương sự;
-Lưu: hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Đức Hùng